

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 11 năm 2009

**BÁO CÁO DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC
TỐT NGHIỆP KHOÁ 15 (2007-2009)**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Điểm TBC các môn	Điểm luận văn	Ghi chú
I. Chuyên ngành Giải tích (18 học viên)							
1	Nguyễn T Quỳnh Anh	31/1/78	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.3	9.5	Có báo
2	Nguyễn Thị Lan Anh	14/10/79	711/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 10/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.5	8.5	
3	Trần Nguyên Bình	19/8/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.9	9.0	
4	Nguyễn Song Hà	28/8/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	8.1	8.7	có điểm dưới 7
5	Lê Thị Hồng	13/3/69	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.5	8.6	
6	Nguyễn Xuân Hoà	23/2/77	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.5	8.2	
7	Bùi Thị Huệ	02/4/77	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.6	8.1	
8	Phạm Thị Thu Trang	30/1/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.2	7.6	
9	Nguyễn T Phương Lan	23/12/80	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.4	8.5	
10	Hoàng Thị Liễu	08/4/83	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	8.0	8.1	có điểm dưới 7
11	Nguyễn Thị Xuân Mai	19/7/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.8	8.7	
12	Lưu Thị Nhân	11/6/80	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.8	8.4	
13	Nguyễn Việt Phương	08/10/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.9	9.0	
14	Ngô Thị Kim Quy	11/10/84	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Giải tích	7.8	9.0	
15	Đoàn Văn Soạn	04/9/80	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.5	8.4	
16	Nguyễn Kim Hoa	07/4/69	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.8	8.6	
17	Trần Thị Hằng	27/10/75	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.7	8.5	
18	Phan Thị Vân Huyền	20/10/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giải tích	7.8	8.6	

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 18(100%)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 0 (%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 7,0 đến 8,9): 14 (78%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 3 (17%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 01 (5 %)

II. Chuyên ngành Đại số (05 học viên)								
19	Nguyễn Văn	Khuyến	26/12/80	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Đại số	7.2	8.3	
20	Nguyễn Thị Trà	Mi	23/6/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Đại số	7.7	8.9	
21	Phạm Hồng	Nam	21/6/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Đại số	7.3	9.0	
22	Trần Danh	Tuyên	27/9/78	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Đại số	6.9	7.1	
23	Phạm Mai	Lan	09/8/81	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Đại số	6.9	7.2	
<p>Xếp loại TBCHT: TB (từ 6,5 đến 6,9): 02 (40%)</p> <p>Khá (từ 7,0 đến 7,9): 03 (60%)</p> <p>Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 0</p> <p>Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 04 (80%)</p> <p>Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 01(20%)</p> <p>Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 0</p>								
III. Chuyên ngành LL&PPDH Bộ môn Toán (10 học viên)								
24	Vũ Văn	Công	05/8/78	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.7	9.2	Có báo
25	Đào Tiến	Dũng	01/8/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	8.1	9.0	Có điểm thi lần 2
26	Đàm Thị Phương	Hà	03/4/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.7	9.2	Có báo
27	Bùi Linh	Phượng	06/8/80	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.5	8.8	
28	Đặng Khắc	Quang	20/6/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.8	8.9	
29	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	15/6/83	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.7	9.6	Có báo
30	Nguyễn Thị Thuý	Vinh	27/3/76	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.5	8.7	
31	Phạm Hồng	Hạnh	02/9/74	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.9	9.4	Có báo
32	Phạm Thu	Thuý	09/2/74	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.7	8.8	
33	Ngô Văn	Nghị	13/11/69	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Toán	7.6	8.7	
<p>Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 10 (100%)</p> <p>Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 0 (%)</p> <p>Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 05 (50%)</p> <p>Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 04 (40%)</p> <p>Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 01(10%)</p>								
IV. Chuyên ngành LL&PPDH Bộ môn Lý (14 học viên)								
34	Hoàng Anh	Đức	05/3/80	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.1	8.9	
35	Lê Thị	Bạch	14/2/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.7	8.5	
36	Nguyễn Thế	Chung	27/7/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.9	8.7	
37	Trịnh Thanh	Dương	05/4/75	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.9	8.8	

38	Đình Xuân	Giang	09/1/75	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	8.1	8.6	
39	Hoàng Thị Lan	Hương	04/8/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.9	8.7	
40	Đặng Thị	Hương	20/10/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	8.3	8.7	
41	Đỗ thị Thuý	Hà	12/6/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	8.6	8.9	
42	Nguyễn Thị	Hoàn	12/1/75	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.8	8.9	
43	Nguyễn Thị	Huệ	23/10/65	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.2	8.5	
44	Nguyễn Quang	Linh	07/12/82	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	8.0	9.7	Có điểm dưới 7 Có báo, Phát triển
45	Trần Thị	Nhân	20/7/83	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.9	8.1	
46	Vũ Hồng	Quang	17/3/62	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	LL&PPDH Lý	7.2	8.4	
47	Nguyễn Thị	Trang	12/3/82		LL&PPDH Lý	6.8	8.4	

Xếp loại TBCHT: TB (từ 6,5 đến 6,9): 01 (8%)

Khá (từ 7,0 đến 7,9): 10 (71 %)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 03(21%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 13 (93%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 0 (%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 01 (7%)

V. Chuyên ngành Hoá hữu cơ (0 7 học viên)

48	Bùi Tất	Thành	12/2/77	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Hoá HC	7.5	9.0	
49	Vũ Kim	Liên	12/3/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Hoá HC	8.2	9.4	Có điểm dưới 7
50	Phan Văn	Dân	29/10/76	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Hoá HC	7.9	9.0	
51	Nghiêm Thị	Hương	25/5/65	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	Hoá HC	7.7	9.0	
52	Nguyễn Quốc Nam	Hải	22/7/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	Hoá HC	8.2	9.5	Có điểm dưới 7
53	Nông Thị	Liểu	24/6/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	Hoá HC	7.9	9.5	Có báo Phát triển
54	Nguyễn Ngọc	Nguyên	07/10/78	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	Hoá HC	8.1	9.0	Có điểm dưới 7

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 07(100%)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 0

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 0 (%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 05(71%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10):02(29%)

VI. Chuyên ngành Hoá phân tích (14 học viên)

55	Nguyễn Thị	Hiếu	25/12/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Hoá PT	7.8	9.5	Có báo
56	Nguyễn Thị	Hoàn	05/10/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	Hoá PT	8.1	9.0	Có điểm dưới 7

57	Trương Việt	Phương	02/2/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.6	8.7	
58	Phan Thanh	Phương	27/12/79	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.6	9.0	
59	Phạm Thị	Thoan	08/1/78	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	8.3	9.0	Có điểm dưới 7
60	Lê Xuân	Thứ	15/12/72	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	8.2	8.6	Có điểm dưới 7
61	Vũ Quang	Tùng	12/7/83	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.4	9.5	Có báo
62	Trần Quốc	Toàn	04/7/84	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.8	9.0	
63	Trần Thị Thuý	Dương	19/6/84	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.6	9.0	
64	Phạm Diệu	Hồng	25/11/66	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.5	9.5	Có báo
65	Phạm Thị Thanh	Hồng	02/11/71	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.3	8.7	
66	Vũ Thị Tâm	Hiếu	04/5/83	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.4	9.0	
67	Phạm Thị Hồng	Thái	12/11/71	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Hoá PT	7.4	9.0	
68	Lê Huy	Hoàng	07/3/85	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Hoá PT	7.7	9.5	Có báo

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 14(100)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 0(%)

Xuất sắc: (9,0 đến 10,0): 0(%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 03(21%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 07(50%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 4 (29%)

VII. Chuyên ngành Sinh thái (09 học viên)

69	Nguyễn Thị	Duyên	17/1/81	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	7.9	9.4	Có báo
70	Mai Hoàng	Đạt	15/1/83	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	7.8	9.6	Có báo
71	Hoàng thị Thuý	Hằng	20/9/76	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	7.8	9.8	Có báo
72	Đỗ Khắc	Hùng	18/6/82	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	7.6	9.9	Có báo
73	Phạm Thanh	Huế	24/11/83	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	8.0	9.7	Có báo Có điểm dưới 7
74	Lương Thị Thanh	Huyền	02/3/79	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	7.9	9.8	Có báo
75	Chu Thị Hồng	Huyền	19/6/78	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	7.8	9.7	Có báo
76	Đào Thế	Trung	31/12/81	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	7.7	9.0	Có báo
77	Hoàng Thị Thanh	Thuý	05/8/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Sinh Thái	7.8	9.7	Có báo

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 09(100%)
 Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 0 (%)
 Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 0
 Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 02 (22 %)
 Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 07 (78%)

VIII. Chuyên ngành Sinh học thực nghiệm (13 học viên)

78	Đào Thị Ngọc	ánh	07/10/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	8.1	9.6	-Có khả năng PT - Có báo -có điểm dưới 7
79	Ngô Văn	Dương	16/11/79	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	7.6	9.4	-Có khả năng PT 4/5 - Có báo
80	Ngô Thị	Hải	16/12/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	7.3	9.5	- Có báo
81	Trịnh Ngọc	Hoàng	20/7/83	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	7.0	9.1	- PT 3/5 - Có báo
82	Phạm Ngọc	Long	12/4/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	7.8	9.5	-Có khả năng PT - Có báo
83	Phạm Thế	Vũ	16/9/60	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	7.2	9.6	- Có báo
84	Nguyễn Hữu	Quân	15/8/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	8.0	9.7	-Có khả năng PT - thiếu báo -có điểm dưới 7
85	Nguyễn Minh	Quế	30/4/83	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	8.0	9.5	-Có khả năng PT 4/5 - Có báo -có điểm dưới 7
86	Nguyễn Văn	Tuân	31/1/85	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Sinh TN	7.7	9.7	-Có khả năng PT - thiếu báo
87	Lê	Tiến	20/6/83	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Sinh TN	8.1	10.0	-Có khả năng PT - Có báo
88	Vũ Thị Như	Trang	30/6/85	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Sinh TN	8.1	9.5	- có báo -có điểm dưới 7
89	Trần Thị Kim	Dung	10/4/79	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Sinh TN	8.3	9.5	- thiếu báo -có điểm dưới 7
90	Hoàng Tú	Hằng	29/9/81	641/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 9/10/2006 GD ĐHTN	Sinh TN	7.9	9.5	-Có khả năng PT - Có báo

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 13 (100%)
 Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 0 (%)
 Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 0
 Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 02 (15 %)
 Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 11 (85%)

IX. Chuyên ngành Di truyền (12 học viên)

91	Vũ Thị	Bưởi	09/7/1985	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Di truyền	8.3	9.5	-Có khả năng PT - Có báo có điểm dưới 7
92	Lưu Thị	Cư	28/11/79	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Di truyền	8.1	9.7	-Có khả năng PT - có báo có điểm dưới 7

93	Trần Thị Ngọc	Diệp	05/7/79	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Di truyền	8.4	9.5	-Có khả năng PT - Có báo
94	Vũ Thị Anh	Đào	25/10/83	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Di truyền	8.2	9.4	-Có khả năng PT 3/5 - Có báo có điểm dưới 7
95	Nguyễn Ngọc	Giang	18/11/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Di truyền	7.5	9.7	-Có khả năng PT - Có báo
96	Hứa Thị	Nga	16/9/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Di truyền	7.7	9.0	
97	Võ Văn	Ngọc	29/9/83	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Di truyền	8.3	9.6	-Có khả năng PT - thiếu báo
98	Nguyễn Ngọc	Sơn	06/12/820	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Di truyền	7.6	9.7	-Có khả năng PT - Có báo
99	Nguyễn Thị	Luyện	05/5/80	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Di truyền	8.3	9.5	-Có khả năng PT - Có báo có điểm dưới 7
100	Lã Duy	Anh	23/3/85	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Di truyền	7.9	9.8	-Có khả năng PT - có báo
101	Thần Thị Mỹ	Ngọc	23/9/80	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Di truyền	8.0	8.8	Có điểm dưới 7
102	Lê Thị Phương	Dung	16/7/85	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Di truyền	8.7	9.9	-Có khả năng PT - có báo

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 10 (83 %)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 02 (17%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 0

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 03 (25%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 09 (75%)

Chuyên ngành LL&PPDH sinh (07 học viên)

103	Trần Thị Mai	Lan	07/7/79	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Sinh	8.4	9.6	Có khả năng PT Có báo Có điểm dưới 7
104	Hoàng Thị	Quyên	08/8/72	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Sinh	7.7	9.0	
105	Dương Thanh	Tú	28/9/82	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Sinh	7.8	9.6	Có khả năng PT - Có báo
106	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/1/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Sinh	8.0	9.0	Có điểm dưới 7
107	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/3/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Sinh	7.9	9.0	
108	Hoàng Việt	Cường	10/10/80	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Sinh	8.1	9.0	
109	Lý Thái	Hảo	29/5/73	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Sinh	7.9	8.8	

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 06 (86%)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 01 (14%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 0(%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 05 (71%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 02(29%)

X. Chuyên ngành Văn học Việt Nam (23 học viên)

110	Nguyễn Hoàng Hà	19/10/82	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.4	9.0	
111	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	17/4/79	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	8.1	9.0	Có điểm dưới 7
112	Lại Thị Thuý Vân	19/8/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.8	9.0	
113	Ngô Tuấn Anh	15/2/73	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.2	8.0	
114	Hoàng thị Dung	05/9/81	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.7	9.3	Có báo
115	Đình Thị Minh Hảo	27/3/71	534/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 12/7/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.6	8.9	
116	Cao Thị Thu Hoài	19/7/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.9	9.0	
117	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/1/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.3	9.0	
118	Nguyễn Thị Mỹ	08/4/72	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.9	9.0	
119	Nguyễn Thị Nhung	28/2/74	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.7	9.0	
120	Triệu Thị Phượng	10/12/79	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.9	9.0	
121	Lê Thị Quỳnh	31/1/73	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.9	9.5	Có báo Phát triển
122	Đào Thị Khánh Vân	01/4/78	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	8.0	9.0	
123	Dương Thị Xuân	02/9/74	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.7	8.9	
124	Hồ Thị Mai Hương	17/5/78	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	8.0	9.0	Phát triển
125	Võ Văn Hà	08/11/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.5	9.0	
126	Đỗ Thị Hương	19/2/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.8	9.0	4/5 phát triển
127	Vũ Thanh Huyền	20/6/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.7	9.0	Phát triển
128	Đàm Thuý Linh	28/4/82	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.1	9.0	Phát triển
129	Hoàng Minh Nguyệt	08/3/81	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.7	9.0	Phát triển
130	Trần Thị Bích Vân	06/8/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.6	8.9	
131	Hoàng Thị Vi	29/9/75	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	8.1	9.5	Có điểm dưới 7 Có báo, Phát triển
132	Phạm Thị Hồng Xiêm	20/1/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	VHVN	7.7	9.0	Phát triển

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 22 (95,6%)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 01(4,3%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 4(17%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4) : 17(74%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 2 (9%)

XI. Chuyên ngành LL & PP dạy học Văn - Tiếng Việt (06 học viên)

133	Nguyễn Ngọc Thuý	04/6/75	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Văn	8.0	10.0	Có báo
134	Trương Kim Thuyên	17/8/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Văn	7.4	9.0	
135	Bế Văn Trà	10/1/84	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Văn	7.6	9.0	
136	Tạ Thị Thu Hà	20/12/78	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Văn	7.6	9.0	
137	Hoàng Liên Sơn	15/7/80	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Văn	7.7	9.0	
138	Nguyễn T Phương Thảo	16/4/80	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Văn	7.8	9.5	Có báo

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 06 (100%)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 0 (%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): (%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 04 (67%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 02 (33%)

Chuyên ngành Ngôn ngữ (20 học viên)

139	Nguyễn Thu Nguyệt	31/8/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.4	9.5	
140	Phạm Kim Thoa	18/9/76	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.1	10.0	Có điểm dưới 7 Có báo, Phát triển
141	Nguyễn Hoài Thu	12/7/83	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.1	9.0	
142	Ngôn Thị Bích	20/4/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.3	9.7	Có điểm dưới 7 Có báo
143	Lâm Thị Hoà	12/10/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.0	9.8	Có điểm dưới 7 Có báo
144	Hoàng Thị Lan	05/10/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.2	9.7	Có báo
145	Khổng Thị Kim Liên	01/10/72	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.4	9.7	Có điểm dưới 7 Có báo
146	Trương Thị My	16/5/74	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.3	9.7	Có điểm dưới 7 Có báo
147	Hoàng Thị Phương	03/5/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2006 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.0	9.8	Có điểm dưới 7 Có báo
148	Trần T Phương Hằng	06/12/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.4	9.8	Có điểm dưới 7 Có báo
149	Lý Việt Hương	05/8/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.4	9.0	Có điểm dưới 7
150	Nguyễn Thị Hoa	12/7/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.2	9.5	Có điểm dưới 7 Có báo
151	Bùi Thị Thu Huyền	03/10/82	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.4	9.0	Phát triển
152	Lê Thị Mai Ngân	10/5/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	9.1	9.5	Có báo
153	Hà Huyền Nga	18/2/78	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.4	10.0	Có báo Phát triển
154	Giáp Thị Thuý	16/12/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.4	9.5	Có báo

155	Nguyễn Thanh Tùng	15/1/84	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.2	9.0	Có điểm dưới 7 3/5 phát triển
156	Hà Ngọc Yến	25/10/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.5	9.0	
157	Lê Thị Như Nguyệt	13/12/85	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.6	10.0	Có điểm dưới 7 Có báo, Phát triển
158	Nguyễn T Kim Chi	07/5/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Ngôn ngữ	8.1	9.0	Có điểm dưới 7

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 16 (80%)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 4 (20%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9):

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4) 6(30%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 14(70%)

XII. Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam (11 học viên)

159	Lê Thị Thanh Vân	21/11/80	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.5	9.8	Thiếu báo
160	Thân Văn Nghiệp	21/6/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.9	9.9	Có báo
161	Nguyễn thuy Chi	24/6/74	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.2	8.8	
162	Lương Thị Hằng	12/10/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	8.1	8.8	
163	Phí Văn Liệu	22/12/80	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.9	8.7	
164	Tạ Thị Kim Niên	05/5/69	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.7	8.8	
165	Trần thị Minh Huệ	25/10/78	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.9	9.9	Có báo
166	Lê Việt Hà	16/6/76	497/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/8/2006 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.4	8.8	
167	Nguyễn Đức Thắng	08/3/84	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.7	9.9	Có báo Phát triển
168	Mai Thanh Tùng	23/3/78	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	Lịch sử VN	7.7	8.8	
169	Nguyễn Văn Bắc -K14	25/7/1975	497/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/8/2006 GD ĐHTN	Lịch sử VN	8.1	8.9	Có điểm dưới 7

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 10(90%)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 01(10%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 07 (64%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 0 (%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 04(36%)

XII.Chuyên ngành LL&PPDH Bộ môn Địa lí (06 học viên)

170	Nguyễn T Trang Nhung	13/12/81	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Địa lí	7.5	8.9	
171	Nông Thị Mai	20/6/71	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Địa lí	8.2	8.9	Có điểm dưới 7
172	Nguyễn Việt Dũng	24/11/75	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Địa lí	7.4	9.0	

173	Thiếu Thị Hà	12/7/69	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Địa lí	8.3	9.3	Có điểm dưới 7 Có bảo
174	Phạm Thị Hồng Hạnh	23/4/81	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Địa lí	7.1	8.9	
175	Chu Thị Hiền	02/2/79	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	LL&PPDH Địa lí	8.4	8.9	
<p>Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 05(83%) Giỏi (ừ 8,0 đến 8,9) : 01 (17%) Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 04(67%) Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 02(33%) Xuất sắc (từ 9,5 đến 10):0(%)</p>							
Chuyên ngành Giáo dục (05 học viên)							
176	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	02/1/84	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Giáo dục	7.7	8.0	
177	Nguyễn Thị Liễu	26/9/83	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Giáo dục	8.1	8.6	Có điểm dưới 7
178	Lê Thành Thế	11/7/84	530/ĐHTN-SĐH, ngày 11/7/07 GD ĐHTN	Giáo dục	7.7	8.6	
179	Nguyễn Văn Việt	04/10/81	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giáo dục	8.1	8.6	
180	NguyễnT Phương Nhung	27/6/84	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GD ĐHTN	Giáo dục	8.1	8.1	Có điểm dưới 7
<p>Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 04(80%) Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 01 (20%) Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 5(100%) Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): Xuất sắc (từ 9,5 đến 10):</p>							
Chuyên ngành QL Giáo dục (24 học viên)							
181	Nguyễn Văn Anh	18/8/79	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	8.4	8.8	
182	Đào Huy Cường	08/11/77	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	7.1	8.8	
183	Nguyễn Văn Hiến	15/2/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	7.3	8.9	
184	Phạm Thuý Ngân	08/1/61	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	7.4	8.3	
185	Hoàng Văn Thế	03/4/63	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	7.7	7.8	
186	Hà Thị Nguyệt ánh	06/10/81	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	8.0	8.7	
187	Phạm Quang Bảo	25/1/74	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	8.2	9.7	-Có bảo -Có năng PT
188	Chu Mạnh Cường	31/5/65	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	7.7	8.9	
189	Cao Hữu Đoàn	30/7/61	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	7.9	8.9	
190	Lê Thị Hải	04/3/62	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	8.0	9.0	Có điểm dưới 7
191	Nông Thị Hảo	20/10/72	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	7.7	8.7	
192	Cà thị Hoan	14/4/70	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GD ĐHTN	QLGD	7.8	8.6	

193	Lê Ngọc	Linh	27/1/79	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	7.9	8.5	
194	Dương Đình	Nông	01/7/59	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	7.6	8.8	
195	Lê Thị	Ngoãn	02/9/82	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	8.3	9.4	-Có báo -3/5 PT
196	Nguyễn Thị	Phượng	13/7/72	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	7.9	9.0	
197	Lưu Thị Kim	Phượng	02/9/73	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	7.9	9.0	
198	Lê Thị	Soan	28/7/68	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	8.0	9.4	-Có báo
199	Lê Minh	Tân	04/3/80	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	7.8	8.9	
200	Nguyễn Hồng	Thái	28/5/60	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	7.7	8.7	
201	Đỗ Trọng	Thân	02/10/66	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	8.2	9.0	
202	Thạch Văn	Thành	08/4/59	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	8.0	9.0	Có điểm dưới 7
203	Đỗ Đình	Trường	11/4/70	657/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 2/10/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	7.5	8.4	
204	Lã Duy	Tuấn	01/9/76	491/QĐ-ĐHTN-SĐH, ngày 26/6/2007 GĐ ĐHTN	QLGD	8.0	9.2	Có báo PT

Xếp loại TBCHT: Khá (từ 7,0 đến 7,9): 17 (71%)

Giỏi (từ 8,0 đến 8,9): 07 (29%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 8,0 đến 8,9): 15 (63%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 08 (33%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 01 (4%)

Tổng số học viên đề nghị xét tốt nghiệp: 204

(Trong đó 01 học viên khoá 14 – Nguyễn Văn Bắc(Sử VN))

Xếp loại TBCHT: TB(5,0 đến 6,9): 03(1,4%)

Khá (từ 7,0 đến 7,9): 180 (88,3%)

Giỏi (từ 8,0 đến 9,0): 21 (10,30%)

Xếp loại luận văn: Khá (từ 7.3 đến 8,9): 76(37%)

Giỏi (từ 9,0 đến 9,4): 67(33%)

Xuất sắc (từ 9,5 đến 10): 61(30%)

Trưởng Khoa

(Đã ký)

Vũ Thị Kim Liên